

Số: 42./QĐ-PHDHLN-SV

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Tặng giấy khen toàn khóa học cho Học viên

GIÁM ĐỐC

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Phân hiệu Trường ĐHLN tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 09/2010/TT-BGDĐT ngày 10/3/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế học viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hình thức Vừa làm vừa học;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng khen thưởng khối Sinh viên ngày 11/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen cho **85** Học viên các lớp đại học khóa K9B_LT_VB2_QLTNR; K10A1_LT_QLTNR; K64A2_LT_QLTNR hình thức Vừa làm vừa học được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp loại Khá.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị có liên quan và Học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, SV.



Mai Hải Châu



DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC TẶNG GIẤY KHEN TOÀN KHÓA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 42./QĐ-PHDHLN-SV, ngày 12 tháng 01 năm 2022

của Giám đốc Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

| TT | Mã số | Họ đệm | Tên | Lớp | Điểm TBC | Xếp loại TN | |
|-----------|-----------------------------------|----------------|-------|-----------------------|----------|-------------|--|
| I | Lớp K9B3_LT_VB2_QLTNR_VLVH | | | | | | |
| 1 | 18B620211001 | Trần Văn | Ái | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.73 | Khá | |
| 2 | 18B620211002 | Trần Tân | An | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.91 | Khá | |
| 3 | 18B620211004 | Nguyễn Đình | Cường | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.63 | Khá | |
| 4 | 18B620211005 | Lê Trung | Dũng | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.85 | Khá | |
| 5 | 18B620211006 | Lưu Minh | Đức | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.61 | Khá | |
| 6 | 18B620211088 | Lâm Chí | Hoàng | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.87 | Khá | |
| 7 | 18B620211009 | Đình Minh | Hội | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.67 | Khá | |
| 8 | 18B620211010 | Trần Văn | Huân | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.79 | Khá | |
| 9 | 18B620211131 | Nguyễn Mạnh | Hùng | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.83 | Khá | |
| 10 | 18B620211012 | Lê Duy | Khánh | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.90 | Khá | |
| 11 | 18B620211013 | Lưu Văn | Lâm | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.73 | Khá | |
| 12 | 18B620211015 | Hà Duy | Linh | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.82 | Khá | |
| 13 | 18B620211016 | Khương Lê Phúc | Lộc | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.73 | Khá | |
| 14 | 18B620211017 | Nguyễn Thành | Luân | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.66 | Khá | |
| 15 | 18B620211018 | Cao Xuân | Ngọc | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.77 | Khá | |
| 16 | 18B620211019 | Phan bình | Quang | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.77 | Khá | |
| 17 | 18B620211020 | Lê Thành | Tâm | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.68 | Khá | |
| 18 | 18B620211021 | Nguyễn Doãn | Thành | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.68 | Khá | |
| 19 | 18B620211091 | Hà Minh | Thắng | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.54 | Khá | |
| 20 | 18B620211022 | Huỳnh Thanh | Thiện | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.74 | Khá | |
| 21 | 18B620211025 | Trần Quang | Vinh | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 2.60 | Khá | |
| 22 | 18B620211026 | Trần Tuấn | Vũ | K9B_LT_VB2_QLTNR_VLVH | 3.14 | Khá | |
| II | Lớp K10A1_LT_QLTNR_VLVH | | | | | | |
| 23 | 19B620211001 | Đạo Duy | Anh | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.67 | Khá | |

| | | | | | | |
|----|--------------|---------------------|--------|---------------------|------|-----|
| 24 | 19B620211003 | Thiết Ngọc | Anh | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.77 | Khá |
| 25 | 19B620211035 | Ca Mau | Chinh | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.60 | Khá |
| 26 | 19B620211004 | Cao Trọng | Đạo | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.27 | Khá |
| 27 | 19B620211006 | Nguyễn Văn | Hải | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.71 | Khá |
| 28 | 19B620211029 | Trương Phi | Hào | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.90 | Khá |
| 29 | 19B620211007 | Lâm Duy | Huy | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.79 | Khá |
| 30 | 19B620211009 | Đàng | Lon | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.81 | Khá |
| 31 | 19B620211010 | Quảng Văn | Long | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.82 | Khá |
| 32 | 19B620211030 | Thành Văn | Nam | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.70 | Khá |
| 33 | 19B620211011 | Lê Thủy | Nguyễn | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.64 | Khá |
| 34 | 19B620211012 | Hán Minh | Nhiều | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.77 | Khá |
| 35 | 19B620211013 | Tô Quốc | Phát | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.71 | Khá |
| 36 | 19B620211031 | Bơ Nah Ria | Phin | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.77 | Khá |
| 37 | 19B620211014 | Lưu Minh | Phụng | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.70 | Khá |
| 38 | 19B620211015 | Lộ Phú | Sáng | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.87 | Khá |
| 39 | 19B620211016 | Đông Thái | Sơn | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.81 | Khá |
| 40 | 19B620211017 | Kiều Gia | Thắng | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.80 | Khá |
| 41 | 19B620211018 | Hán Ngọc | Thoát | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.72 | Khá |
| 42 | 19B620211019 | Đặng Văn | Tiêm | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.65 | Khá |
| 43 | 19B620211020 | Nguyễn Vũ | Trâm | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.94 | Khá |
| 44 | 19B620211021 | Đạt Đông Đoàn | Trẻ | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.83 | Khá |
| 45 | 19B620211022 | Lộ Minh | Triết | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.73 | Khá |
| 46 | 19B620211023 | Nguyễn Hữu Thành | Trung | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.88 | Khá |
| 47 | 19B620211024 | Hồ Minh | Tuấn | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.91 | Khá |
| 48 | 19B620211027 | Từ Hữu | Tường | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.95 | Khá |
| 49 | 19B620211025 | Đông Thái | Tuyên | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.81 | Khá |
| 50 | 19B620211026 | Lưu Đàng Công | Tuyển | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.78 | Khá |
| 51 | 19B620211032 | Bơ Nah Ria | Van | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.71 | Khá |
| 52 | 19B620211033 | Lê Quốc | Việt | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.60 | Khá |
| 53 | 19B620211034 | Trương Nhật | Y | K10A1_LT_QLTNR_VHVL | 2.77 | Khá |

NI
GI
1 N
AIT
NC
HO

| III | Lớp K64A2_LT_QLTNR_VLVH | | | | | |
|-----|-------------------------|---------------|-------|---------------------|------|-----|
| 54 | 19B620211037 | Lương Quốc | Bào | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.76 | Khá |
| 55 | 19B620211039 | Nguyễn Văn | Biên | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.71 | Khá |
| 56 | 19B620211136 | K | Bôi | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.68 | Khá |
| 57 | 19B620211040 | Trần Minh | Chiến | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.81 | Khá |
| 58 | 19B620211041 | Kơ Sả Ha | Chiêu | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.58 | Khá |
| 59 | 19B620211042 | K | Chiều | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.92 | Khá |
| 60 | 19B620211043 | Cao Mạnh | Cường | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.91 | Khá |
| 61 | 19B620211137 | RoDa Boui | Dzuy | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.88 | Khá |
| 62 | 19B620211045 | Lê Quốc | Đạt | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.97 | Khá |
| 63 | 19B620211127 | Đoàn Văn | Hà | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.95 | Khá |
| 64 | 19B620211046 | Nguyễn Văn | Hải | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.63 | Khá |
| 65 | 19B620211047 | Tô Văn | Hoàng | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.85 | Khá |
| 66 | 19B620211048 | Lê Đức | Hung | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.77 | Khá |
| 67 | 19B620211129 | Đào Duy | Lâm | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.87 | Khá |
| 68 | 19B620211149 | Phan Hữu | Long | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.73 | Khá |
| 69 | 19B620211131 | Nguyễn Thị My | Ly | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 3.14 | Khá |
| 70 | 19B620211132 | Ngọc Văn | Minh | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.52 | Khá |
| 71 | 19B620211050 | Trần Phương | Nam | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 3.08 | Khá |
| 72 | 19B620211052 | Nguyễn Văn | Nhật | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.89 | Khá |
| 73 | 19B620211053 | Nguyễn Vinh | Phú | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.95 | Khá |
| 74 | 19B620211054 | Đào Việt | Quang | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.99 | Khá |
| 75 | 19B620211055 | Vũ Xuân | Quang | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.8 | Khá |
| 76 | 19B620211056 | Nguyễn Văn | Quyện | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 3.05 | Khá |
| 77 | 19B620211057 | Nguyễn Văn | Sơn | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.94 | Khá |
| 78 | 19B620211058 | Huỳnh Công | Tâm | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.92 | Khá |
| 79 | 19B620211059 | Nguyễn Tôn | Tấn | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.8 | Khá |
| 80 | 19B620211060 | Phan Quốc | Thành | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.74 | Khá |
| 81 | 19B620211061 | Dương Đức | Thiện | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.88 | Khá |

| | | | | | | |
|-----------|--------------|---------------|--------|---------------------|------|-----|
| 82 | 19B620211133 | Phạm Hoàng | Thiện | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.85 | Khá |
| 83 | 19B620211062 | Phạm Thị Hoài | Thương | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.94 | Khá |
| 84 | 19B620211063 | Nguyễn Văn | Trí | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 2.74 | Khá |
| 85 | 19B620211064 | Nguyễn Văn | Vũ | K64A2_LT_QLTNR_VLVH | 3.06 | Khá |

